

## Ẩm thực trong văn học dân gian người Việt

**Đặng Quốc Minh Dương**

Trường Đại học Văn Hiến

Email: duongdqm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/7/2023; Ngày sửa bài: 20/7/2023; Ngày duyệt đăng: 29/7/2023

### Tóm tắt

Văn học dân gian mang tính nguyên hợp nên lưu giữ nhiều dấu vết của văn hóa Việt, trong đó có văn hóa ẩm thực. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về yếu tố ẩm thực trong văn học dân gian. Vì vậy, thông qua việc phân tích văn hóa ẩm thực trong các thể loại văn học dân gian như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, tục ngữ, ... ở những khía cạnh khác nhau như nguồn gốc thức ăn; ẩm thực với anh hùng, bậc kỳ tài; về cái đói và giấc mơ no đủ; về chuyện miếng ăn là miếng nhục và miếng ăn là tất cả cuộc sống, bài viết kỳ vọng khám phá thêm những hiểu biết về những ý nghĩa nhân sinh sâu sắc được thể hiện thông qua văn hóa ẩm thực.

**Từ khóa:** văn hóa ẩm thực, văn học dân gian Việt Nam, nguồn gốc thức ăn, cái đói

### Traditional foods in Vietnamese folklore

**Dang Quoc Minh Duong**

Van Hien University

Correspondence: duongdqm@vhu.edu.vn

Received: 05/07/2023; Revised: 20/7/2023; Accepted: 29/7/2023

### Abstract

Syncretism of Vietnamese folk literature preserves rich traces of Vietnamese culture, including culinary culture. However, there is still little in-depth research about cuisine in folk literature. Given the limited research, by analyzing culinary culture in folk literature genres in exploring diverse facets such as the origins of foods, heroic characters in the stories, even the aspects about hunger and the dream of having adequate food, about the dishonor of getting food and the morsel of food being whole life, the paper expects to explore more understanding of the profound human meanings expressed through culinary culture.

**Keywords:** culinary culture, food deprivation, Vietnamese folklore, origin of food

### 1. Dẫn nhập

Một trong những đặc trưng của văn học dân gian là tính nguyên hợp. Do vậy, bên cạnh giá trị văn học, văn học dân gian còn hàm chứa nhiều giá trị khác như giá trị văn hóa, giá trị lịch sử, ... Về phương diện văn hóa, văn học dân gian lưu giữ nhiều dấu vết của văn hóa gia đình, văn hóa ứng xử trong đời sống, các phong tục

tập quán, ... trong đó có văn hóa ẩm thực. Ăn uống là một nhu cầu cơ bản, là nhu cầu đầu tiên của con người. Hoạt động này không chỉ nhằm mục đích duy trì sự sống, mà còn phản ánh văn hóa của người ăn. Hay nói cách khác là cách chúng ta ăn nói lên cách chúng ta sống; hoặc qua cách ăn của một ai đó, chúng ta sẽ biết họ là người như thế nào.

Khảo sát văn học dân gian người Việt cho thấy có rất nhiều thể loại văn học dân gian đề cập đến ẩm thực: ít thì ở thể loại thần thoại, truyền thuyết; nhiều thì ở các thể loại truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, tục ngữ. Trong thời gian qua, đã có một số công trình, bài viết tìm hiểu về ẩm thực của người Việt trong văn học dân gian như: Đinh Gia Khánh cho rằng “*Bên cạnh những chuyện đả kích giai cấp thống trị, những truyện phê phán mặt tiêu cực trong đời sống nhân dân cũng có ý nghĩa đấu tranh xã hội. Tiếng cười hài hước trong những truyện này chống lại mọi thái độ, mọi hành động có hại cho xã hội. Những thói xấu như tham ăn, lười biếng, biển lận, khoác lác, khoe khoang, ... là sản phẩm của xã hội có giai cấp*” (Đinh Gia Khánh, 1998: 382). Hoàng Tiến Tựu khi bàn về tiếng cười phê bình giáo dục cũng cho rằng truyện cười có một đề tài phê phán “*những thói hư tật xấu, những hiện tượng, hành vi không tốt đẹp, trái với tiêu chuẩn, đạo đức bình thường và thuần phong mỹ tục truyền thống của nhân dân như lười nhác, tham ăn, ăn vụng, khoe khoang, khoác lác, keo kiệt, hà tiện, hay ăn quà, sự hèn nhát, nịnh bợ, hiếu danh, sợ vợ, ...*” (Hoàng Tiến Tựu, 1990: 89-90). Lê Chí Quế lại nhấn mạnh đến nhân vật các thầy, ông cho rằng “*Vào mặt kỳ của chế độ phong kiến các thầy đã bộc lộ tất cả sự xấu xa, đê tiện của mình. Đó là sự dốt nát, tham ăn của thầy đồ...*” (Lê Chí Quế và cộng sự, 2001: 144). Nguyễn Việt Hùng cũng nhận thấy trong nội dung truyện hài hước có “*đề cập đến ba nhóm đề tài quen thuộc như: phê phán tính khoác lác (Con rắn vuông, Thi nói khoác, ...), chế giễu thói tham ăn tục uống (Cho khỏi lạc đàn, Bánh tao đầu), truyện về những anh chàng sợ vợ (Tao mừng lắm, Sợ vợ chết cứng)*” (Vũ Anh Tuấn, 2014: 157).

Bên cạnh đó, trong một số nghiên cứu của Nguyễn Văn Thông (2012), Nguyễn Thị Phương Anh (2019), Đặng Quốc Minh Dương (2023), ... lại tập trung tìm hiểu văn hóa ẩm thực trong thể loại tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích. Nhìn chung, các giáo trình và nghiên cứu trước đó mới chỉ mang tính điểm nhãn chứ chưa đi sâu khảo sát, phân tích về vấn đề ẩm thực.

Vì vậy, bài viết này mong muốn khai thác thêm những khía cạnh khác của ẩm thực trong các thể loại văn học dân gian như nguồn gốc thức ăn, ẩm thực với các bậc anh hùng kỳ tài, cái đói và giấc mơ no đủ, miếng ăn là miếng nhục, miếng ăn là tất cả cuộc sống, qua đó kỳ vọng tìm hiểu sâu hơn ý nghĩa nhân sinh của ẩm thực trong văn học dân gian người Việt.

## 2. Nguồn gốc thức ăn

Trong văn học dân gian người Việt có nhiều huyền thoại kể về nguồn gốc sự vật. Liên quan đến vấn đề ẩm thực, có thể kể đến thần thoại *Nữ thần lúa* kể về nguồn gốc của loại lương thực chính của người dân. Đó là cái thủa hạt lúa còn được “*nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mẩy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông bỏ vào nồi là lúa sẽ thành cơm...*”. Rồi do con người làm phật ý thần lúa nên từ đó “*người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông (...) và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo*” (Nguyễn Thị Huệ và Trần Thị An, 1999: 65). Truyện kể này, một mặt đề cao vai trò lao động của con người, mặt khác cũng giải thích về các tập tục cúng hồn lúa, cúng cơm ít nhiều còn tồn tại trong các làng xã Việt Nam.

Tiếp nối thể loại thần thoại, nhằm đề cao đặc trưng truyền thống của nền nông

nghiệp lúa nước, và vai trò “com tẻ là mẹ ruột”, trong thể loại truyền thuyết lại có *Sự tích bánh Chung bánh dày*. Truyện kể rằng từ gợi ý của Vua cha “*Bây giờ mỗi con có kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người ấy.*” [1], qua lời mách bảo của vị thần trong giấc mộng “*To lớn trong thiên hạ không gì bằng đất trời, của quý nhất trần gian không gì quý bằng gạo*” [2], và sự hướng dẫn của vị thần “*Bánh này tượng trưng đất. Đất có cây, có đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất che chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời...*” [3], Lang Liêu đã làm nên một loại thức ăn vừa ngon, vừa ý nghĩa được vua Hùng bằng lòng nhất, bởi nó “*chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn trọng cha mẹ như trời đất; nó chứa đầy một tâm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất*” [4]. Món ăn này đã đang là *quốc hồn quốc túy* của dân tộc ta. Có thể xem đây là truyện kể đầu tiên trình bày về nghệ thuật ẩm thực của người Việt.

Câu chuyện thần thoại về *Nữ thần lúa* và câu chuyện về Mai An Tiêm trong *Sự tích quả dưa hấu* cũng có điểm gặp chung là đề cao tính chất lao động “*có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần đến cho*”; “*Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ*”. Truyện *Sự tích quả dưa hấu* kể về cuộc sống vất vả nơi đảo hoang của gia đình Mai An Tiêm cho đến ngày phát hiện ra thứ quả dưa “*ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh*”, rồi sau đó là quá trình “*trồng thêm cho thật nhiều*

*dưa*” [5], và sau cùng với sự chịu thương chịu khó, sự đồng cam cộng khổ, qua món quà Mai An Tiêm dâng vua Hùng, cả gia đình Mai An Tiêm đã được vua Hùng đón gia đình trở về đất liền. Ông được xem là “*Bố cái dưa Tây*”. Như vậy, nhờ ý chí và nghị lực, chẳng những chống đỡ được sự khắc nghiệt của cuộc sống nơi đảo hoang mà Mai An Tiêm còn tạo dựng được một cơ đồ “*có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà*” [6].

### 3. Ẩm thực với các anh hùng, bậc kỳ tài

Ngoài những câu chuyện về anh hùng văn hóa phát minh ra các thức ăn, truyền thuyết kể rất nhiều câu chuyện về các anh hùng dân tộc, bộ lạc. Họ là những bậc kỳ tài, thân hình to lớn, vạm vỡ, lập nhiều chiến công hiển hách. Đó là một Lê Như Hồ vừa khỏe mạnh, vừa học giỏi - thi đỗ ông nghè. Đó là Lê Phụng Hiểu khỏe mạnh “*chỉ thích tập ném đao, đánh gậy, cử tạ, múa quyền*” [7]. Và nhất là một Thánh Gióng biết đáp lại lời kêu gọi của vua để đứng lên, diệt trừ giặc ngoại xâm. Ngoài motif về việc sinh đẻ thần kỳ và lập chiến công hiển hách, để tương xứng với hình hài và công trạng của kiêu nhân vật này, dân gian cũng mô tả họ có khả năng ăn uống phi thường.

Đó là một Lê Như Hồ “*mỗi bữa cha mẹ cho ăn một nồi bầy com (...) Hồ ngồi một mình tỳ tỳ chén hết cả một bung lớn tướng com - nồi ba mươi com*” [8]. Hay như ông Ô “*sức ăn mỗi bữa có thể hết nồi mười com*” [9], ... Đặc biệt, một Thánh Gióng khi nhận ra người mẹ còn e dè về khả năng đánh giặc của con trẻ, Gióng đã trấn an mẹ “*việc đánh giặc thì mẹ đừng lo*” và liền đó là đề xuất một nhu cầu rất thực và cũng rất chính đáng “*Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được!*” [10]. Sức ăn của Gióng được miêu tả không chỉ là nồi bầy, nồi mười, nồi ba

mười như các nhân vật trên mà là “*cứ nấu lên được nồi nào Gióng ngon hết ngay nồi ấy*” [11]. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm “*Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khỏe mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu, rượu, hoa quả, bánh trái mang đến đầy một sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu thì Gióng ăn vội hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ*” [12]. Gióng ăn không tính bằng đơn vị chén/ bát thông thường mà là “*Bảy nong cơm, ba nong cà/ Uống một hơi nước, cạn đũa khúc sông*”. Như thế, việc ăn đủ no, ăn nhiều không phải là do thú vui ham ăn tục uống, mà bởi vì dân gian đã nhận thấy rằng ăn sẽ giúp cơ thể phát triển “*Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm*”. Đặc biệt, họ quan niệm những người có sức ăn khác thường thì cũng sẽ có tài năng khác thường hay nói như nhạc phụ của Lê Như Hồ “*Nó có sức ăn hơn người chắc có tài hơn người*”. Bởi vậy, Như Hồ có thể vỡ hai mẫu ruộng trong chưa đầy một ngày, gặt hai mẫu lúa trong độ nửa ngày [13]; Lê Phụng Hiểu đến năm 20 tuổi to lớn khỏe mạnh “*có thể chỉ một năm đấm vật ngã một con bò mộng*”, và “*những tay đô vật trong vùng hết dám tỷ thí với chàng*” [14]; Ông Ô “*có sức khỏe hơn đời. Ông ta làm việc gấp đôi gấp ba người thường (...)* Nghề vật thì rất giỏi, những tay đô vật trong vùng đều hàng phục” [15].

Có thể thấy, việc ăn khỏe được xem là ưu điểm đối với người dân, bởi những nhân vật có sức ăn lớn đều là những nhân vật có sức khỏe phi thường, có tài năng hơn người. Những nhân vật như vậy có nhiều nét tương đồng với kiểu nhân vật tráng sĩ theo cách gọi của A. M. Nôvicôva (Nguyễn Bích Hà, 1998: 24) hay cách gọi thông dụng ở Việt

Nam là *nhân vật dũng sĩ*. Trong *Từ điển Văn học bộ mới*, Chu Xuân Diên viết về nhân vật Thạch Sanh như sau “*Nhân vật dũng sĩ trong truyện Thạch Sanh có những nét tương tự với nhân vật dũng sĩ trong anh hùng ca dân gian thời thị tộc - bộ lạc. Đó là loại nhân vật anh hùng có những khả năng phi thường, được thần thoại hóa, có tinh thần dũng cảm, đại diện cho cộng đồng, trong chiến đấu bảo vệ cộng đồng, bảo vệ phụ nữ, đã lập được chiến công lừng lẫy*” (Đỗ Đức Hiểu và cộng sự, 2004: 1623). Nhận định này cũng đồng quan điểm với Nguyễn Văn Hoàn khi ông cho rằng sức khỏe “*là tiêu chuẩn số một của người anh hùng cổ đại*” (Nguyễn Bích Hà, 1998: 25), đặc biệt khi xét trong bối cảnh của một đất nước thường xuyên đối diện với những cuộc chiến chống ngoại xâm như nước ta. Hơn nữa, đối với một đất nước thuần nông, trong những giai đoạn mà nền nông nghiệp đang phụ thuộc chủ yếu vào sức người, họ cũng là hình tượng, là nhân vật lý tưởng mà dân gian gửi gắm ước mơ về những lao động vừa có sức khỏe, vừa có tay nghề cao để cang đáng việc đồng áng.

#### 4. Cái đói và giấc mơ no đủ

Việt Nam là một đất nước thuần nông, có truyền thống sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước. Qua bao thế hệ, cha ông ta vẫn duy trì phương thức canh tác lạc hậu “*Trông trời, trông đất, trông mây*”, nên để có được hạt lúa, chén cơm là cả một quá trình vất vả, gian lao. Khi xã hội có sự phân chia giai cấp, người nông dân luôn là đối tượng chịu nhiều bất công, thiệt thòi. Thường họ phải “*đầu tắt, mặt tối*”, “*một nắng, hai sương*” nhưng lúc nào cũng “*cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc*”. Chính vì thế, mà đến với truyện cổ tích thể loại này đã bắt đầu hướng cái nhìn hiện thực về đời sống, và đề cập nhiều đến số phận cá nhân

dân gian gắn liền với cái đói và giấc mơ no đủ của con người.

Cái đói là một sự kiện - một sự kiện có tính bi kịch. Nó đe dọa đến sức khỏe, mạng sống của con người. Nó là *phép thử* để giúp chúng ta nhận ra con người thật của nhau. Nó có khả năng biến con người trở nên tầm thường, rẻ rúng hoặc đưa con người lại gần nhau hơn. Có khi, vì miếng ăn mà nhân cách, sĩ diện con người cũng bị đánh đổi, hủy hoại. Nó là phương cách giúp “luận anh hùng” một cách hiệu nghiệm nhất, giúp phân hóa tính cách theo hai cực: *hoặc mất cả nhân cách, nhân tính, nhân phẩm hoặc trở thành bậc chí thiện*. Thực tế đã cho thấy, chính cái đói đã làm cho vợ chồng phải ly tán (*Sự tích ông đầu rau*), người người phải tranh giành, lừa lọc nhau (*Cây tre trăm đốt, Hai anh em và con chó đá*), thậm chí là bỏ ghê tìm cách ám hại trẻ nhỏ (*Sự tích chim đa đa*), tuy vậy cũng qua đó mà biết được đâu là người tốt thật sự (*Hai anh em và con chó đá, Sự tích hồ Ba bể, Bán tóc đãi bạn, ...*). Truyện *Sự tích chim hít cô* kể về cái đói một cách rõ ràng và đau đớn nhất. Hai cô cháu nghèo “*chỉ có vài sào ruộng, không đủ sống. Cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót hái kiếm ăn*” (...) *Hai cô cháu sức yếu đành chịu nằm nhà nhịn đói. Cái chết đang dọa nạt họ*” [16]. Truyện bi kịch nhất ở chi tiết: Sau một ngày đi mót được ít lúa vừa đủ cho một nồi cháo, trong lúc người cháu đi xin gừng, chờ lâu không thấy cháu về người cô tự nhủ: “*Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hần đói thì dù gừng được hay không cũng phải về sớm*” [17], “*Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó*” [18], vì quá đói người cô từng chút từng chút ăn xén hết nồi cháo, đến khi người cháu trở về thì bát cháo chỉ còn một tý nước ở dưới đáy, người cháu

vì quá uất ức và oán giận người cô đã bung bát cháo lại chõng cô nằm, dí sát vào miệng và nói bằng một giọng cay chua “*Đó còn ít nữa, hít nốt đi! Hít đi cô, hít cô...*” [19]. Cái đói làm cho mạng sống con người trở nên mong manh và biến một kẻ tốt lành trở nên tệ bạc với anh em, người thân mình. Ở đây có một điểm mới lạ, câu chuyện đã kể diễn biến tâm lý, về độc thoại nội tâm của nhân vật - điều ít gặp trong truyện dân gian. Bởi theo Nguyễn Xuân Đức “*nhân vật cổ tích chưa bộc lộ tính cách rõ ràng, đó là những nhân vật chưa có nội tâm*” (Nguyễn Xuân Đức, 2011: 79). Có thể cách kể này mang dấu ấn của người làm công tác sưu tầm, biên soạn nhưng mặt khác, khi đặt trong dòng chảy chung của văn học dân tộc, chúng ta thấy rằng câu chuyện về cái đói ít nhiều đã được tiếp nối trong các tác phẩm văn học thành văn nói chung như *Văn tế thập loại chúng sinh* (Nguyễn Du) và nhất là dòng văn học hiện thực phê phán của Việt Nam giai đoạn trước Cách mạng tháng tám với các tác phẩm tiêu biểu như *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), ... đặc biệt là nhà văn Nam Cao với nhiều truyện ngắn như *Lão Hạc, Trẻ con không biết ăn thịt chó, Chí Phèo, Quên điều độ, Một bữa no, Đồi thừa, ...* Dường như cái đói và miếng ăn là một nỗi ám ảnh khôn nguôi của nhân dân Việt, cũng như của nhân loại suốt bao đời nay.

Về nguyên nhân, có khi cái đói là do thiên tai, được giải thích là do nguyên nhân từ hạn hán, mất mùa hay nói cụ thể hơn là do hạn hán nên dẫn đến mất mùa và đói nghèo. Truyện *Sự tích chim đa đa* kể “*Không may, năm đó trời làm mất mùa (...)* *Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội*” [20] hay truyện *Sự tích chim hít cô* “*Không may vụ hạ năm ấy mất mùa. Rồi tiếp đến vụ mùa nắng hạn nên*

*cũng chẳng ăn thua gì (...) Cái chết đang dọa nạt họ*” [21]. Truyện *Sự tích ông đậu rau* cũng kể rằng “*Một năm, trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra khắp mọi miền*” [22] nên người chồng phải đi làm ăn xa. Thực tế cho thấy, Việt Nam là quốc gia có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi cho việc phát triển nghề nông nghiệp lúa nước nhưng không phải thời tiết lúc nào cũng thuận lợi. Do vậy mà có cảnh “*Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề/ Trông trời, trông đất, trông mây/ Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm*”. Nói rõ hơn đây là nền kinh tế nông nghiệp còn lạc hậu, phụ thuộc vào thiên nhiên. Vì vậy, những khi có thiên tai, hạn hán thì con người nhất là người dân nghèo phải chịu cảnh đói khổ.

Có khi cái đói là do nhân tai, do những bất công từ xã hội mang lại. Khi thoát khỏi chế độ công xã nguyên thủy, con người bước vào xã hội phong kiến. Đây là xã hội bắt đầu có sự phân chia giai cấp, có sự phân biệt giàu nghèo. Trong xã hội này, những người dân nghèo, những kẻ thuộc tầng lớp dưới như nhân vật mồ côi, nhân vật người em út luôn phải chịu đựng những bất công, ức hiếp. Truyện *Sự tích chim đa đa* kể về em bé mồ côi cha, chịu nhiều bạo hành từ ông bố ghẻ, vì mất mùa nên em càng “*trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ*” [23] và bị ông ta tìm cách đưa vào rừng, bỏ đói. Cậu bé chết và hóa thành chim đa đa. Sự tích con khỉ kể về người con gái đi ở cho nhà trưởng giả, “*Nàng phải làm việc quần quật suốt ngày, lại bị chủ đối đãi rất tệ*” [24]. Trong khi nhà chủ cỗ bàn bày linh đình thì cô phải ăn cơm cháy, và “*phải đi gánh nước luôn vai không nghỉ*” [25]. Như vậy, cái đói do thiên tai đã đáng sợ nhưng cái đói do nhân tai, do bất bình đẳng trong xã hội còn đáng sợ hơn nhiều. Bởi cái đói do thiên tai thì mọi

người cùng chịu, và thi thoảng mới gặp một lần; còn cái đói do sự đối đãi bất công, sự thờ ơ của con người thì lúc nào, và ở đâu cũng gặp.

Cái đói là một thực tế, là một nỗi ám ảnh của kiếp người. Bởi vậy, một trong những ước mơ thường trực nhất của người dân luôn là có đủ cơm ăn, áo mặc. Cho nên sẽ không lạ khi nói về điều ước thần kỳ, họ không ước *nhà cao cửa rộng* hay *son hào hải vị* mà dân gian cũng chỉ mơ về miếng cơm. Truyện *Thạch Sanh* kể rằng sau khi trừ được giặc, Thạch Sanh sai dọn cơm cho họ ăn. Cả mấy vạn quân sĩ thấy niêu cơm quá nhỏ, ai nấy bĩu môi không buồn cầm đũa. Biết ý, chàng đổ họ ăn hết được niêu cơm sẽ trọng thưởng. Quả nhiên chúng ra sức ăn mãi, ăn mãi nhưng ăn hết bao nhiêu cơm lại đầy bấy nhiêu. Sau khi ăn no họ rập đầu lay tạ và kéo nhau về nước [26]. Ngoài truyện *Thạch Sanh*, motif niêu cơm thần kỳ còn xuất hiện trong truyện *Từ Đạo Hạnh* hay *Sự tích thánh Láng*. Đó là chi tiết nhà sư Nguyễn Minh Không “*giục chú tiểu bắc nồi cơm và làm thức ăn. Nhìn thấy chú tiểu bắc một nồi tý tẹo lên bếp, lại thấy hòa thượng giết thịt một con chim sẻ*” [27], nhưng “*từ cái nồi màu nhiệm ấy bởi hết bao nhiêu lại ùn lên bấy nhiêu*” đủ phần cho “*năm trăm quân sĩ dự xong bữa tiệc của nhà chùa thết*” [28]. Đặt trong lịch sử tiến hóa của nhân loại, ngay từ thời kỳ con người biết trồng trọt, canh tác, họ luôn mơ ước có được năng suất lao động kỳ diệu. Thời thần thoại là mỗi hạt gạo to như cái bát, được “*nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mẩy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông bỏ vào nồi là lúa sẽ thành cơm...*” (thần thoại *Nữ thần lúa*). Rồi đến cái thời mơ ước về cái niêu ăn bao nhiêu

cũng không hết. Motif này là một cách diễn tả đầy sinh động, đầy chất lãng mạn về mơ ước có một cuộc sống no đủ của nhân gian.

### 5. Miếng ăn là miếng nhục

Truyện cười dân gian xây dựng và phát hiện tình huống xung quanh các hiện tượng trái lẽ thường, trái tự nhiên được che đậy bằng một hình thức tốt đẹp giả tạo để tạo nên tiếng cười. Khai thác cái đời thường và mang tính giải trí cao, dân gian có rất nhiều truyện cười nói về miếng ăn.

Việc ăn nhiều, thậm chí ăn vụng không phải là xấu (về mặt đạo đức) nhưng nếu hạn chế, tránh được thì vẫn hơn, nhất là khi việc này xảy ra trước cộng đồng trong những sinh hoạt làng xã xưa thì mới đáng bị đem ra chê cười. Vốn quan niệm “*một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp*”, người dân cho rằng việc ăn uống ở cộng đồng rất quan trọng, vì thế phải giữ gìn “*ăn trông nồi ngồi trông hướng*”. Tuy vậy, vẫn luôn có những người tham ăn, tục uống. Có khi đó là chuyện *Lại một anh tham ăn* kể về anh chồng ham ăn đi ăn cỗ mà không biết bên cạnh mình là ai, vì chỉ cắm cúi ăn đến khi hết thức ăn, ngẩng lên thì mọi người đã về cả (Trương Chính, 1995: 30 -31). Hay đó là anh chồng tham ăn trong truyện *Được một bữa thả cửa*, đi ăn cỗ bị vợ giật giây như một ám hiệu được gấp thức ăn. Chẳng may, con gà đi vương dây nên anh ta gấp thức ăn liên hồi (Vũ Ngọc Khánh, 2014: 166). Tiếng cười còn vang lên trong các truyện cười khác như: *Làm biếng hai kiếp*, *Khôn lỏi*, *Trả lời vắn tắt*, *Tham ăn*, *Cho nó khỏi lạc đàn*, *Mẹo anh tham ăn*, ... Bên cạnh đó, tiểu loại này cũng hay kể về những chàng rể hoặc bố vợ tham ăn để tạo ra tình huống đáng cười. Mỗi quan hệ chàng rể - bố vợ lẽ ra rất trang trọng, giữ lễ thì lại bị đem ra cười. Đó là truyện kể về chàng rể vốn ham ăn nên vợ dặn ăn uống phải nhìn theo bố.

Tuy vậy, ông bố vợ cũng không phải là “tay vờ” khi ăn mà để cả cọng bún lòi ra lỗ mũi ... Những tình huống trên được bắt gặp nhiều trong cuộc sống và bị cho là đáng trách, cần hạn chế. Bởi người dân Việt Nam quan niệm miếng ăn “*quá khẩu thành tàn*”, họ luôn nhắc nhở con cháu phải biết gìn giữ phẩm giá khi ăn uống, “*miếng ăn là miếng nhục*” nên “*ăn một miếng, tiếng một đời*”.

Tiếng cười xuất hiện nhiều hơn cả trong tiểu loại *truyện đả kích, châm biếm*. Nếu ở tiểu loại trên, tiếng cười hướng đến kẻ tiểu nhân, dân thường, thì ở tiểu loại này, tiếng cười chia mũi nhọn đến bậc *trưởng thượng*, những người có vai vế, chức tước. Dân thường ham ăn đã đáng trách, còn đây là những người thuộc tầng lớp trên trong xã hội, vốn được học bao sách vở thánh hiền, vốn mang chức này tước nọ mà còn “lạm” vào chuyện ăn uống, thậm chí là ăn tham, ăn tạp nữa thì đáng chê trách nhường nào. Vì vậy, không ít truyện dân gian đả kích, châm biếm những thói tham ăn tục uống của các vị quan, các thầy đồ, ông sư, ... Chẳng hạn, truyện *Thầy đồ ăn bánh rán* kể về ông thầy đi dạy học và thèm ăn bánh rán mật. Do vậy, ông “*lấy ọt, giã nhỏ bỏ vào nước*”, rồi bảo học trò tắm nên bị “*phát nóng và mẩn đỏ khắp mình mẩy*”. Sau đó, thầy đóng vai thầy lang xem bệnh và phán trò “*bệnh thần Hòn làm quái đây. Bây giờ phải cho đi mua lấy bảy đĩa bánh rán mật để tôi tống thần cho nó, thì nó khỏi ngay*”. Khi gia chủ sắm đủ bộ lễ, “*thầy đồ khăn áo chỉnh tề làm bộ nghiêm trang ra đứng trước bàn thờ đặt giữa sân, lên giọng cầu nguyện*”, và ăn hết đồ lễ, rồi bảo lấy nước lạnh tắm cho đứa nhỏ. Đứa nhỏ khỏi sốt, hết sần, “*Chủ nhà khen thầy là có phép tài, mà thầy được ăn bánh rán cũng thích miếng*” (Trần Đình Nam và cộng sự, 2010: 419). Các truyện *Thầy đồ liếm mật*, *Thầy đồ liếm nước cốt*

dừa cũng có nội dung tương tự.

Đó là truyện kể về các nhà sư, một mặt ăn chay, niệm Phật, nhưng mặt khác lại lén lút ăn những đồ ăn thức uống cấm kỵ với nhà Phật. Truyện *Con thanh tịnh* kể về ông quan muốn ăn thịt ếch nhưng không muốn dùng tiếng “ếch”. Lính “*nghe nát óc mà không hiểu ‘con thanh tịnh’ là con gì*”. Đến khi bắt được nhà sư - “chỉ có nhà tu hành là thanh tịnh thôi”, thì mới vỡ lẽ vì lời tự thú của nhà sư này “*hôm qua tôi có ăn mấy miếng thịt cầy, chẳng được thanh tịnh nữa*” (Trương Chính và Phong Châu, 1993: 146). Truyện *Đậu phụ cắn* cũng kể về sư cụ ăn thịt chó. Khi thấy sư cụ thường “*hay ăn vụng thịt chó ở phòng riêng trong chùa*”, chú tiểu hỏi ăn món gì thì được sư cụ ngụy biện rằng đang ăn món đậu phụ! Khi có tiếng chó cắn nhau ngoài cổng, sư cụ hỏi chuyện gì thì đệ tử hồn nhiên đáp “*bach cụ, đậu phụ làng cắn đậu phụ chùa à!*” (Trương Chính và Phong Châu, 1993: 147). Những tình huống ngẫu nhiên đã tố cáo việc ăn vụng đồ cấm kỵ của các nhà sư. Vấn nạn này còn thể hiện qua nhiều câu chuyện khác như *Lá húng lá húng, Lai niên bất đáo, Thầy chùa, ...* Qua những câu chuyện này, dân gian đã cho thấy một thực trạng hỗn tạp, nhiều nhương. Đến các bậc chân tu mà còn phá giới, còn khó tìm được “thanh tịnh” thì xã hội lúc này còn hỗn loạn, thối nát đến mức nào.

Đó còn là các truyện kể vạch mặt thật của các ông quan luôn tìm cách kiếm ăn từ dân lành. Truyện *Bấm chó cả* kể về “*nhà nho nọ thấy quan lại tham nhũng, trong lòng rất khinh. Một hôm, các quan đến nhà chơi, trong số đó có mấy bạn đồng song thừa trước. Ông ta bảo người nhà dọn cơm thết*”. Khi các quan cầm đũa, gắp mấy món, thấy ngon miệng, liền khề khà hỏi tên món ăn. Được dịp, chủ nhà lên tiếng thưa rằng

“*Đây là chó, kia cũng là chó. Bấm, toàn chó cả!*” (Trương Chính và Phong Châu, 1993: 53-54). Lời giới thiệu rất thật về món ăn nhưng cũng là lời chửi rất sâu cay đến bọn quan lại quen thói tham nhũng, ăn của đút của dân. Quả thế, theo dân gian thì phần lớn con người khi đã bước chân vào con đường quan lộ đều biến chất, hư đốn.

Bên cạnh đó, trong các câu chuyện kết chuỗi của các Trạng - đặc biệt là *truyện Trạng Quỳnh* cũng có rất nhiều câu chuyện kể xoay quanh miếng ăn. Chẳng hạn chuyện *Món ngon nhà trạng/ Mâm đá* kể về chứng bệnh ăn không ngon của chúa Trịnh - kể cả sơn hào hải vị, món ngon vật lạ trong thiên hạ. Trạng chữa bằng cách để bụng chúa đói meo rồi mới cho ăn cơm tương với muối - món tầm thường nhất, mà lại cảm giác ngon. Truyện gửi đến cho chúa lời nhắn nhủ “*Chúa ngon miệng là do chúa đã đói bụng. Khi lúc nào cũng no thì của dù ngon đến mấy cũng chán ăn ạ*” (Hoàn Anh, 2012: 38). Quỳnh còn mượn chuyện miếng ăn nhà giàu, nhà nghèo để đưa vào câu chuyện *Ăn trộm mè, Mẹo trầy kinh, ...* Hay chuyện miếng ăn để hạ bệ kẻ hay nịnh hót trong truyện *Đào Trường thọ/ Hút chết vì quả đào*. Vui, thâm thúy là chuyện *Cây nhà lá vườn*: Chúa sai bọn lính đến đại tiện ở vườn nhà trạng Quỳnh nhưng bị Quỳnh ra điều kiện đại tiện thì không được tiểu tiện, nên chịu thua, ra về. Lần sau, chúa truyền cho chúng mang gáo dừa theo và đái vào đó, và “bón phân” vào vườn nhà Trạng. Quỳnh thua nhưng vẫn nghĩ cách chơi lại chúa. Ra chợ, thấy người ta bán cải tốt, Quỳnh liền mua, mang lên biếu chúa. Chúa thấy cải ngon, sai đầu bếp nấu canh ăn. Khi được hỏi về nguồn gốc, Quỳnh thưa “*Đạ, đó là cải nhà trồng. Trước nó không tốt lắm nhưng từ khi chúa sai lính “bón phân” vườn nhà thần, nên nó tốt tươi như vật. Cây nhà lá*

vườn thối, thần mới dám dâng cho chúa xoi!” (Hoàn Anh, 2012: 45) Như vậy, đến loại truyện Trạng thì đám vua chúa không còn xuất hiện gián tiếp nữa mà đã hiện ra một cách trực tiếp. Dân gian đã chỉ “*đích danh đâu là vua, là chúa xấu xa, giả dối, nhân cách thấp hèn, để từ đó ca ngợi các nhân vật Trạng thông minh, cương trực, dám đương đầu với cái xấu, cái ác, đem lại sự hả hê, sung sướng cho người đọc*” (Vũ Anh Tuấn, 2014: 162).

Như vậy, đến thể loại truyện cười, miếng ăn không chỉ là miếng cơm mà đã mở rộng đến nhiều thứ thức ăn khác như chè, bánh, mật, đào, cải củ, ... Đặc biệt, thông qua chuyện ăn uống, dân gian đã cho thấy rằng thế giới nhân vật xoay quanh câu chuyện ăn uống cực kỳ phong phú, đa dạng. Đó là các nhân vật từ dân thường đến các nhân vật vốn được xã hội trọng vọng như các ông thầy, chức sắc làng xã, quan lại, ... Tất cả đều cho thấy bộ mặt thật của mình: luôn tìm mọi cách để kiếm được miếng ăn, ăn càng nhiều càng tốt. Ở đây, dân gian đã khéo léo khai thác mặt trái của miếng ăn, nhằm phê phán những thói hư tật xấu của con người. Đúng với nghĩa là miếng ăn là miếng nhục.

### **6. Khi miếng ăn là tất cả cuộc sống**

Ca dao và tục ngữ là hai thể loại khác nhau của văn học dân gian. Ca dao thuộc trữ tình dân gian, nội dung miêu tả những tâm trạng, những tư tưởng và tình cảm của con người. Còn tục ngữ là thể loại thiên về lý trí, có nội dung ghi lại những điều quan sát về thiên nhiên con người và xã hội, những kinh nghiệm sống, những lời khuyên răn. Do phạm vi bao quát của hai thể loại này rất lớn nên số câu tục ngữ, số lời ca dao đề cập đến ẩm thực là rất lớn, và có sự gặp gỡ ở một số chủ đề liên quan đến ẩm thực người Việt. Chính vì vậy, trong thời gian

vừa qua, nhiều tác giả đã nghiên cứu chung trong cả hai thể loại ca dao và tục ngữ. Chẳng hạn bài viết của Nguyễn Văn Thông (2012), Lê Thị Phụng (2014), Nguyễn Thị Phương Anh (2019),... cho thấy qua tục ngữ ca dao chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về các vấn đề như kinh nghiệm ẩm thực; đặc sản ẩm thực; ẩm thực với chăm sóc sức khỏe; và ẩm thực với quan hệ gia đình, xã hội và luân thường đạo lý, ... tức là tất cả những vấn đề liên quan đến cuộc sống của chúng ta. Đặc biệt, thông qua ăn uống ông cha ta còn gửi gắm, ẩn dụ nhiều triết lý dân gian vào ca dao, tục ngữ như ước vọng, khuyên răn, giáo dục, phê phán, nhằm bồi dưỡng thêm tri thức ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, về luân thường, đạo lý. Đó là lời nhắc nhở “*ăn xem nôi, ngòi trông hướng*”, “*tham ăn, cực thân*” hay đây là kinh nghiệm lựa chọn, chế biến món ăn “*chim gà, cá nhệch*”; “*Con gà cực tác lá chanh/ Con lợn ỉn ỉn mua hành cho tôi/ Con chó khóc đừng khóc ngòi/ Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riêng/ Con trâu nằm ngựa nằm nghiêng/ Xin chó mua riêng, mua tôi cho tôi!*”. Như vậy, ăn uống không đơn giản là hoạt động mang lại sự sống còn của con người, sâu xa hơn, qua chuyện ăn uống còn cho thấy cách ứng xử, văn hoá của con người Việt Nam trước hiện thực xã hội qua từng giai đoạn khác nhau. Và hơn thế nữa, nhắc đến ẩm thực còn là cách thể hiện tình cảm với quê hương, với con người “*Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương*”. Người viễn phương nhớ quê nhà thì cũng là nhớ đến món ăn, bởi biết rằng đằng sau món ăn đấy là hình ảnh bao con người thân thương, dung dị ở quê nhà. Hay như trong nghiên cứu của Nguyễn Chí Kiên (2022) có một mảng ca dao trào phúng nói về những anh chàng biếng nhác, ăn bám vợ như: *Làm trai cho*

đáng nên trai/ Ăn cơm với vợ lại nài vét niêu hay Làm trai cho đáng nên trai/ Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con hoặc như Chồng người đánh giặc sông Lô/ Chồng em ngồi bếp rang ngô cháy quần”... Mảng ca dao này có sự gắn gũi với nhóm truyện cười nói về các anh chồng ham ăn. Như vậy, miếng ăn không chỉ là miếng ăn thông thường mà còn là chuyện làm chồng của bậc trượng phu, còn là chuyện ý thức nữ quyền. Nhìn chung, có thể nói miếng ăn là tất cả cuộc sống, vì nó liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống con người.

Như đã nói số lượng lời ca dao, tục ngữ đề cập đến chuyện ăn uống, về các cửa ăn thức uống là rất nhiều. Hơn nữa, do từng thể loại có những chức năng riêng nên việc lồng ghép để tìm hiểu văn hóa ẩm thực trong cả ca dao và tục ngữ là điều hơi gượng ép. Vì một mặt khó đi sâu, bao quát đến hết những nội dung đề tài này hướng đến, mặt khác nếu khai thác những vấn đề chung thì khó chạm được hết cái tinh túy, cái hay của những lời ca dao, câu tục ngữ có đề cập đến chuyện ăn uống.

Do vậy, ngoài việc tách riêng từng thể loại để tìm hiểu, việc nghiên cứu văn hóa ẩm thực qua ca dao tục ngữ theo từng vùng/ tiểu vùng văn hóa, từng dân tộc như bài viết của Nguyễn Xuân Kính (1990), Lê Hồng Phong (2016) cũng là một hướng đi cần thiết.

## 7. Kết luận

Bài viết đã tìm hiểu, nghiên cứu một số vấn đề về ẩm thực trong văn học dân gian người Việt được thể hiện đa dạng với nhiều ý nghĩa nhân sinh như nguồn gốc thức ăn xuất hiện trong các truyện thần thoại và truyền thuyết; ẩm thực với nhân vật anh hùng, bậc kỳ tài trong các truyện truyền thuyết; về cái đói và giấc mơ no đủ xuất hiện trong truyện cổ tích; về chuyện miếng

ăn là miếng nhục được đả kích trong truyện cười; miếng ăn là tất cả cuộc sống xuất hiện nhiều nhất trong tục ngữ, ca dao. Tuy vậy, những phác thảo trên cũng cho thấy rằng còn nhiều vấn đề thú vị khác chưa được nghiên cứu như văn hóa ẩm thực qua các truyện kể này hoặc nghiên cứu ẩm thực trong từng thể loại riêng biệt để tìm ra những cái hay, những nét đẹp của nó. Như vậy, đề tài miếng ăn hay ẩm thực trong văn học dân gian người Việt là một vấn đề lớn, nhiều thú vị và hãy còn là đề tài mở, cần quan tâm, nghiên cứu.

## Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

## Chú thích

- [1] Nguyễn Đồng Chi (2000). Gốc tích bánh chưng bánh giày. In trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (quyển 1) (in lần thứ 8). Hà Nội: Nxb Giáo dục, 228.
- [2] [3] Gốc tích bánh chưng bánh giày. Sđd, 229.
- [4] Gốc tích bánh chưng bánh giày. Sđd, 230.
- [5] Sự tích dưa hấu. Sđd, 99.
- [6] Sự tích dưa hấu. Sđd, 100.
- [7] [14] Gốc tích ruộng thác đao hay là truyện Lê Phụng Hiếu. Sđd, 231.
- [8] [13] Lê Như Hồ. Sđd, 479-480.
- [9] [15] Ông Ô. Sđd, 534.
- [10] [11] [12] Thánh Gióng. Sđd, 973.
- [16] [21] Sự tích chim hít cô. Sđd, 112.
- [17] [18] [19] Sự tích chim hít cô. Sđd, 113.
- [20] [23] Sự tích chim đa đa. Sđd, 129.
- [22] Sự tích ông đầu rau. Sđd, 207.
- [24] [25] Sự tích con khỉ. Sđd, 144.
- [26] Thạch Sanh. Sđd, 518.
- [27] Từ Đạo Hạnh hay sự tích Thánh Láng. Sđd, 834.
- [28] Từ Đạo Hạnh hay sự tích Thánh Láng. Sđd, 835.

**Tài liệu tham khảo**

- Đình Gia Khánh (Chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1998). *Văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Đỗ Đức Hiếu (chủ biên), Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu và Trần Hữu Tá (2004). *Từ điển Văn học - bộ mới*. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- Hoàn Anh sưu tầm và biên soạn (2012). *Kho tàng truyện trạng Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàng Tiên Tụ (1990). *Văn học dân gian Việt Nam* (tập hai). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Lê Hồng Phong (2016). Về văn hóa ẩm thực của người Mạ ở Lâm Đồng. *Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến*, 11: 30-33.
- Lê Thị Phượng (2014). *Văn hóa ẩm thực của người Việt qua ca dao, tục ngữ truyền thống*. Luận văn Thạc sỹ Văn học dân gian, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Chí Quế (chủ biên), Võ Quang Nhơn và Nguyễn Hùng Vĩ (2001). *Văn học dân gian Việt Nam* (lần thứ V). Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Phương Anh (2019). *Văn hóa ẩm thực người Việt Đồng bằng Bắc bộ qua ca dao, tục ngữ*. Thành địa Việt Nam học. Nguồn: <http://thanhdiavietnamhoc.com/van-hoa-am-thuc-cua-nguoi-viet-dong-bang-bac-bo-qua-ca-dao-tuc-ngu/>.
- Nguyễn Đông Chi (2000). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (quyển 1) (in lần thứ 8). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Xuân Đức (2011). *Thi pháp truyện cổ tích thần kỳ người Việt*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Bích Hà (1998). *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Thị Huệ và Trần Thị An (biên soạn và tuyển chọn) (1999). *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam - tập I: Thần thoại - Truyền thuyết*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Chí Kiên (2022). *Ý thức nữ quyền trong ca dao người Việt*. Luận văn Thạc sỹ Văn học Việt Nam, Trường Đại học Văn Hiến.
- Nguyễn Xuân Kính (1990). Qua tục ngữ, ca dao tìm hiểu sự sành ăn, khéo mặc của người Thăng Long - Hà Nội. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 2: 27-29.
- Nguyễn Văn Thông (2012). Tìm hiểu văn hóa ẩm thực của người Việt qua ca dao, tục ngữ. *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội và Nhân văn*, 28: 129 -132.
- Trần Đình Nam (chủ biên), Lê Thanh Nga, Nguyễn Thị Hương Lý, Nguyễn Thị Huệ, Bùi Thị Thiên Thai và Nguyễn Huy Bình (2010). *Truyện cười dân gian Việt Nam* (tập 1). Hà Nội: Nxb Kim Đồng.
- Trương Chính và Phong Châu (1993). *Tiếng cười dân gian Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Vũ Ngọc Khánh (2014). *Kho tàng truyện cười Việt Nam* (tập I). Hà Nội: Nxb Thời Đại.
- Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2014). *Giáo trình văn học dân gian*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.